

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng gần 19 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,654.42 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dầu khí,... Ở chiều ngược lại, ngành Bảo hiểm giảm hơn 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Trong những phiên tới, VN-Index cần sự ủng hộ của thanh khoản nhiều hơn để xác nhận đà hồi phục.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 17/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+18.96** điểm, đóng cửa tại **1654.42** điểm. HNX-Index **+1.08** điểm, đóng cửa tại **268.69** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+5.31)**, **VHM (+1.01)**, **HPG (+0.69)**, **GVR (+0.64)**, **MSN (+0.59)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.32)**, **GEE (-0.24)**, **BVH (-0.19)**, **CRV (-0.07)**, **VPL (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,731** tỷ đồng, tăng **2.91%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,552 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.95 điểm. Thị trường có **227** mã tăng, 50 mã tham chiếu, **86** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-907.85** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-233.90 tỷ)**, **VHM (-121.26 tỷ)**, **VRE (-119.27 tỷ)**, **VCI (-117.82 tỷ)**, **VND (-92.23 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.93** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.25%**. Các mã diễn biến tích cực:
KBC (+4.02%) ([Link báo cáo](#))
PDR (+3.83%) ([Link báo cáo](#))
MSB (+2.90%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+1.38%**. Các mã diễn biến tích cực:
DGW (+6.88%) ([Link báo cáo](#))
HHV (+5.88%) ([Link báo cáo](#))
DIG (+4.40%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.25%	1.38%	1.16%	1.18%
1 tuần	4.30%	4.13%	4.67%	4.95%
1 tháng	-0.67%	-4.22%	-4.43%	-4.23%
3 tháng	-3.31%	-8.41%	0.01%	4.59%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,654.42	268.69	120.66
% 1D	1.16%	0.40%	0.47%
GTKL (tỷ VND)	18,731	1,552	686
%1D	2.91%	0.44%	7.80%
GDNN (tỷ VND)	-907.85	-1.93	-65.69

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	236.21	STB	-233.90
FPT	172.60	VHM	-121.26
VNM	69.49	VRE	-119.27
KDH	51.73	VCI	-117.82
TCX	47.33	VND	-92.23

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

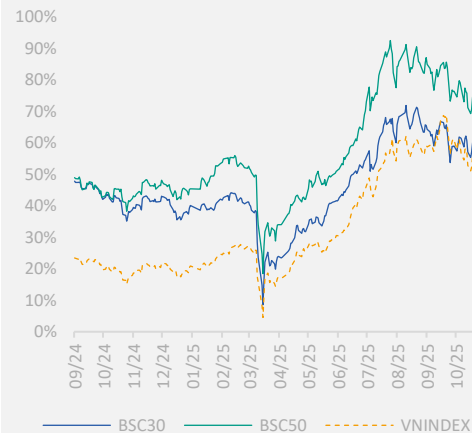
		%D	%W
SPX	6,734	-0.05%	0.08%
FTSE100	9,693	-0.05%	-0.96%
Eurostoxx	5,677	0.01%	0.33%
Shanghai	3,972	-0.46%	-1.16%
Nikkei	50,324	-0.10%	-1.15%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.90	-0.75%
Giá vàng	4,078	-0.22%
Tỷ giá		
USD/VND	26,376	-0.01%
EUR/VND	31,375	-0.22%
JPY/VND	174	-0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	-0.01%
LS LNH 1M	5.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

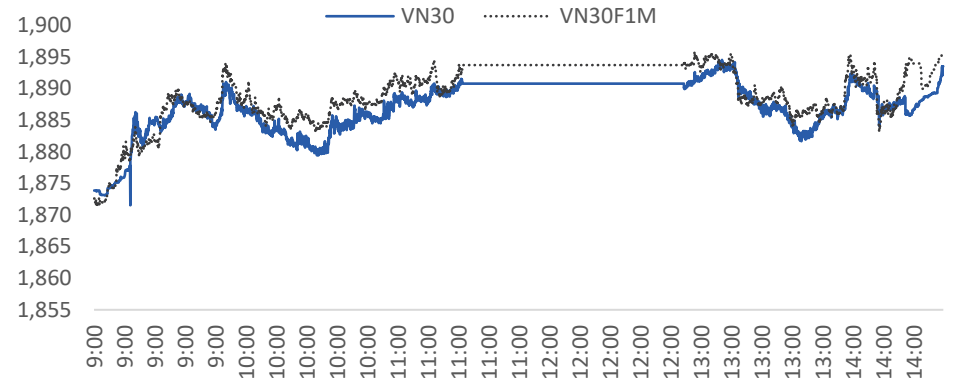
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1895.20	1.36%	247,434	4.9%	20/11/2025	3
41I1G6000	1880.00	1.48%	47	327.3%	18/06/2026	213
VN30F2512	1891.10	1.40%	2,850	155.4%	18/12/2025	31
41I1G3000	1881.00	0.86%	45	-6.25%	19/03/2026	122

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +22.00 điểm, đóng cửa tại 1893.54 điểm. Biên độ dao động 15.66 điểm. Các cổ phiếu như VIC, HPG, MSN, FPT, MWG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMSN2517	3/12/2025	16	105,800	10.27%	86.69	120	50.0%	0.04	87.89	79.70	79.70
CTCB2513	3/12/2025	16	89,700	18.17%	40.81	150	50.0%	0.00	41.54	35.15	35.15
CSTB2529	25/03/2026	128	630,100	36.81%	65.50	700	37.3%	0.35	66.90	48.90	48.90
CHPG2526	3/12/2025	16	73,000	2.97%	27.11	250	31.6%	0.23	28.11	27.30	27.30
CHPG2535	25/03/2026	128	463,800	17.66%	29.70	1,210	26.0%	0.73	32.12	27.30	27.30
CSTB2514	13/04/2026	147	1,250,900	4.58%	39.50	2,910	24.9%	2.78	51.14	48.90	48.90
CVHM2517	3/12/2025	16	7,000	2.04%	88.89	1,610	22.9%	1.37	96.94	95.00	95.00
CVPB2520	4/05/2026	168	2,500	10.40%	22.22	2,200	21.5%	1.68	31.02	28.10	28.10
CVIB2509	3/12/2025	16	18,300	3.97%	18.39	300	15.4%	0.20	19.44	18.70	18.70
CMSN2509	19/12/2025	32	71,800	8.91%	82.00	480	14.3%	0.25	86.80	79.70	79.70
CMSN2514	15/12/2025	28	818,900	0.88%	68.00	2,480	12.2%	2.42	80.40	79.70	79.70
CFPT2510	23/02/2026	98	23,600	42.18%	132.82	500	11.1%	0.01	143.60	101.00	101.00
CVHM2519	25/05/2026	189	13,700	29.22%	108.20	2,080	10.6%	0.75	122.76	95.00	95.00
CSTB2513	12/01/2026	56	127,700	1.92%	39.00	2,710	10.6%	2.59	49.84	48.90	48.90
CFPT2525	25/03/2026	128	45,900	13.37%	103.00	1,150	9.5%	0.65	114.50	101.00	101.00
CVHM2520	23/07/2026	248	51,700	36.11%	111.90	3,480	9.4%	1.15	129.30	95.00	95.00
CSTB2528	23/02/2026	98	3,726,500	7.81%	49.00	1,240	8.8%	1.38	52.72	48.90	48.90
CVRE2523	25/03/2026	128	70,200	21.36%	35.00	1,020	8.5%	0.48	39.08	32.20	32.20
CVIC2515	16/10/2026	333	10,900	36.50%	245.00	6,400	8.5%	2.63	296.20	217.00	217.00
CVHM2524	18/01/2027	427	20,900	75.45%	147.00	2,460	8.4%	0.39	166.68	95.00	95.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 17/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CMSN2517 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 50.00%. CMBB2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.01%.
 - CVHM2521, CVHM2524, CVRE2526, CVHM2523, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	217.00	2.84%	5.31	3.88
VHM	95.00	1.17%	1.01	4.11
HPG	27.30	1.49%	0.69	7.68
GVR	29.10	2.46%	0.64	4.00
MSN	79.70	2.18%	0.59	1.52

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	14.20	2.90%	0.29	1.17
CEO	26.50	2.71%	0.24	0.57
SHS	22.90	1.33%	0.16	0.90
MBS	30.50	1.33%	0.14	0.59
TFC	63.00	7.33%	0.05	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ITC	15.30	6.99%	0.02	0.63
HII	5.56	6.92%	0.01	1.11
HID	5.72	6.92%	0.01	1.45
DGW	42.70	6.88%	0.14	3.81
LDG	4.82	6.87%	0.02	2.98

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTC	29.90	9.93%	0.17	0.00
PHN	67.50	9.58%	0.16	0.00
PCT	10.40	9.47%	0.17	0.03
DL1	6.00	9.09%	0.20	1.68
PTX	28.00	8.95%	0.06	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNM	62.10	-1.11%	-0.32	2.09
GEE	171.00	-1.72%	-0.24	0.37
BVH	54.10	-2.17%	-0.19	0.74
CRV	32.00	-1.54%	-0.07	0.67
VPL	71.90	-0.14%	-0.04	1.79

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	80.10	-1.60%	-0.68	0.90
PVI	86.80	-3.56%	-0.43	0.23
PTI	38.70	-5.61%	-0.15	0.12
IDC	42.40	-0.70%	-0.07	0.38
HUT	18.20	-0.55%	-0.06	1.07

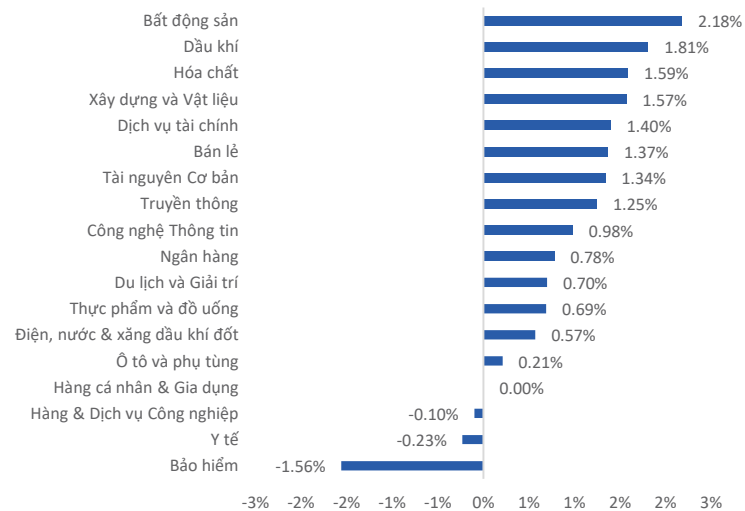
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TMT	9.69	-6.83%	-0.01	0.02
TCR	2.78	-6.71%	0.00	0.01
ICT	20.60	-6.36%	-0.01	0.09
FUCVREIT	7.95	-6.25%	0.00	0.00
NVT	7.72	-5.85%	-0.01	0.00

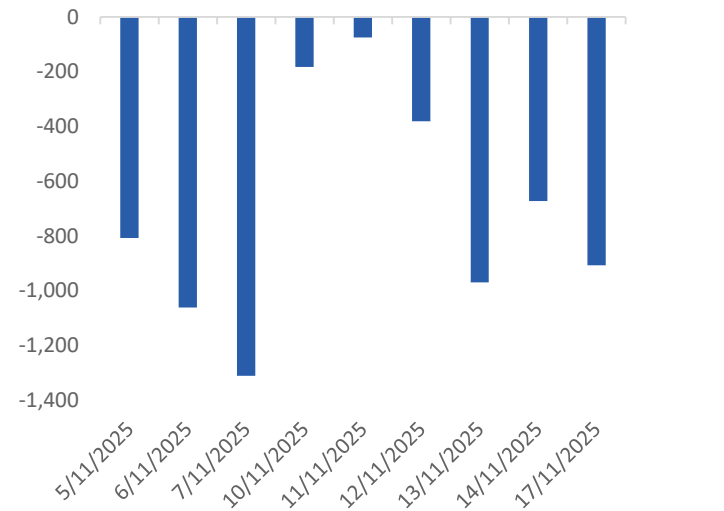
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NBW	31.20	-9.57%	-0.11	0.00
RCL	11.80	-9.23%	-0.05	0.08
PPP	19.00	-9.09%	-0.05	0.00
DC2	6.50	-7.14%	-0.02	0.00
NHC	20.00	-6.98%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	82.4	1.2%	1.1	120,346	427.2	3,955	20.6	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	35.0	4.0%	1.4	31,643	139.3	1,872	18.0	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	35.1	1.3%	1.1	38,885	278.0	857	40.4	39,900	27.3%	Link
PDR	Bất động sản	23.1	3.8%	1.4	21,752	324.3	211	105.2	28,200	8.9%	Link
VHM	Bất động sản	95.0	1.2%	1.3	385,686	396.4	6,133	15.3	119,600	9.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	101.0	1.0%	0.9	170,351	852.6	5,280	18.9	118,700	38.3%	Link
BSR	Dầu khí	16.5	2.8%	0.0	80,117	75.1	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	35.2	0.0%	1.4	16,824	185.0	3,040	11.6	42,800	12.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	1.6%	1.3	24,407	217.6	1,422	15.9		35.1%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.4	1.3%	1.1	72,553	588.9	1,882	18.6		32.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.2	1.3%	1.1	25,833	312.8	1,589	22.5		19.5%	
DCM	Hóa chất	35.0	1.7%	1.3	18,211	64.7	3,578	9.6	47,300	4.4%	Link
DGC	Hóa chất	99.0	-0.4%	1.2	37,750	300.5	8,296	12.0	109,300	11.7%	Link
ACB	Ngân hàng	25.2	0.8%	0.9	128,160	125.2	3,385	7.4	28,400	29.4%	Link
BID	Ngân hàng	38.4	0.1%	1.0	269,269	54.8	3,781	10.1	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	48.9	0.6%	1.1	260,713	263.8	6,208	7.8	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	30.1	0.7%	1.2	115,204	545.2	3,671	8.1	30,800	23.7%	Link
MBB	Ngân hàng	23.8	1.3%	1.0	189,292	404.4	3,017	7.8	29,300	20.5%	Link
MSB	Ngân hàng	12.4	2.9%	1.1	37,596	102.9	1,729	7.0	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	48.9	1.8%	0.9	90,585	662.6	6,519	7.4		16.0%	
TCB	Ngân hàng	35.2	0.1%	1.1	248,727	392.3	3,112	11.3	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.2	1.2%	1.2	47,020	80.3	2,358	7.2	-	24.2%	Link
VCB	Ngân hàng	60.2	0.3%	0.7	501,341	112.3	4,202	14.3	73,200	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.7	1.1%	0.9	62,974	197.8	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.1	1.1%	1.2	220,563	504.7	2,603	10.7	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.3	1.5%	1.0	206,470	887.6	1,876	14.3	33,170	19.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.2	0.9%	1.0	10,588	59.1	1,178	14.5	19,800	5.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.5	1.2%	1.2	10,064	81.7	4,150	6.3	31,700	2.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.7	2.2%	1.2	112,781	438.3	2,196	35.5	92,700	23.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.1	-1.1%	0.6	131,249	262.5	4,160	15.1	64,500	49.6%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	42.7	6.88%	1.2	8,836	160.4	2,412	16.6	20.0%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	146.6	0.41%	0.9	24,864	99.0	3,620	40.3	32.5%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.1	-2.17%	1.2	41,050	24.0	3,594	15.4	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	21.4	4.40%	1.1	16,287	359.6	516	39.7	4.3%	4.4%	
DXG	Bất động sản	19.7	2.08%	1.2	19,614	321.2	401	48.0	21.1%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	28.9	3.04%	1.0	5,593	78.0	3,057	9.2	3.3%	25.2%	
HDG	Bất động sản	33.6	2.75%	1.5	12,098	145.2	938	34.9	20.5%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	42.4	-0.70%	1.3	16,205	160.5	4,849	8.8	10.8%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	37.9	1.88%	1.1	18,049	104.2	2,179	17.1	45.6%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	60.5	2.54%	1.3	14,285	60.7	5,474	10.8	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	32.7	2.03%	1.2	5,760	47.1	1,763	18.2	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.8	2.11%	1.5	18,503	106.6	852	25.0	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	217.0	2.84%	1.2	812,986	846.7	2,287	92.3	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	32.2	0.31%	1.4	72,941	244.0	2,144	15.0	14.6%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.6	1.31%	1.2	8,067	13.5	1,833	20.8	38.5%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.7	0.58%	0.7	43,835	57.2	2,090	16.5	15.0%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.7	0.00%	1.1	14,842	498.7	1,602	16.7	6.6%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.1	1.19%	1.3	11,677	26.2	1,262	26.7	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.5	1.33%	1.8	19,827	101.4	1,662	18.1	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.0	0.32%	0.8	151,533	44.7	5,014	12.5	1.7%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.3	2.68%	0.9	34,894	455.5	812	18.3	2.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.3	-0.15%	0.7	35,966	14.1	4,776	13.9	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	179.0	1.47%	0.4	104,360	418.6	2,897	60.9	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.5	0.89%	0.9	40,698	335.2	2,313	19.5	8.5%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.6	1.76%	1.1	26,656	43.6	3,503	17.8	43.0%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.0	1.54%	0.7	10,976	159.7	6,185	10.5	7.7%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.7	1.08%	0.9	8,694	69.2	2,090	8.9	9.2%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	104.8	-1.41%	0.0	12,946	53.1	3,139	33.9	4.9%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	89.8	-0.22%	0.9	30,703	25.1	6,921	13.0	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.0	0.17%	1.0	3,238	40.3	2,535	11.4	48.7%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.0	1.52%	1.4	2,536	33.0	2,877	6.9	16.9%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	24.4	2.10%	1.1	16,216	95.2	1,212	19.7	4.4%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	29.1	2.46%	1.8	113,600	134.3	1,569	18.1	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.2	3.75%	0.9	39,769	324.8	1,635	13.1	3.7%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	50.2	0.60%	0.8	149,065	48.9	3,469	14.4	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.5	1.40%	0.0	24,534	34.3	2,337	6.1	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.4	0.41%	1.0	32,756	136.9	1,460	8.4	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.3	1.17%	0.9	7,631	127.9	571	29.9	5.2%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.8	1.41%	1.3	7,562	40.8	2,829	10.0	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.0	-0.78%	0.7	9,805	40.5	1,715	18.8	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.3	0.32%	0.7	60,409	51.1	3,373	14.0	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.7	0.17%	1.1	13,153	71.6	6,944	8.4	19.7%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	166.6	1.34%	0.3	13,990	19.8	14,639	11.7	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	88.8	0.91%	1.1	8,926	50.4	6,560	13.4	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.2	-1.51%	1.2	10,592	40.2	5,128	18.1	5.3%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.0	1.70%	1.2	4,455	27.0	3,037	14.6	5.2%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.4	5.88%	1.2	6,765	106.5	1,106	12.3	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.6	2.27%	1.0	9,069	52.1	1,377	16.0	12.6%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.6	2.07%	0.9	15,580	108.3	6,148	3.9	4.9%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	47.0	0.97%	1.2	20,871	56.6	3,090	15.1	3.4%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>